

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **266/2019/HS-ST**

Ngày 08-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Ông Hoàng Văn Mầm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 247/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/HSST-QĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Văn T**; tên gọi khác: T lùn; Sinh ngày 25 tháng 9 năm 1988 tại tỉnh: Đắk Lắk;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C (Đã chết) và bà Trần Thị H; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: 01 tiền án; tiền sự: không.

Nhân thân: Sinh ra và lớn lên tại tỉnh Đắk Lắk, được cha mẹ nuôi ăn học đến lớp 04/12 thì nghỉ học, ở nhà phụ giúp gia đình.

Ngày 11/6/2003, bị Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định số: 1356/QĐ-UBND áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng số 03 xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, về hành vi Trộm cắp tài sản; thời hạn 24 tháng. Bị can đã chấp hành xong quyết định xử lý hành chính.

Ngày 20/10/2010, bị Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07827 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy,

bằng hình thức phạt tiền. Ngày 25/10/2010 đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 04/11/2010, bị Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định số: 3490/QĐ-UBND về việc đưa đối tượng vào Trung tâm giáo dục Lao động Xã hội tỉnh Đắk Lắk, về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 12 tháng. Ngày 05/9/2011 chấp hành xong quyết định xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 26/11/2011, bị Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 008440/QĐ-XPHC, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bằng hình thức phạt tiền. Ngày 28/11/2011, đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 23/3/2012, bị Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, ra Quyết định số: 972/QĐ-UBND về việc đưa đối tượng vào Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội tỉnh Đắk Lắk, về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 24 tháng. Ngày 23/3/2014 chấp hành xong quyết định xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 10/4/2016, bị Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 09519/QĐ-XPHC, về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, bằng hình thức phạt cảnh cáo.

Ngày 27/10/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù giam, về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tại Bản án số 273/2016/HSST. Ngày 16/8/2017, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống. Bị cáo chưa được xóa án tích.

Ngày 29/10/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 24 tháng, tại Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2019 đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Vũ Đình C**; tên gọi khác: Lửa; Sinh ngày 11 tháng 6 năm 1989 tại tỉnh: Đắk Lắk;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình A (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: 02 tiền án; tiền sự: không.

Nhân thân: Sinh ra và lớn lên tại tỉnh Đắk Lắk. Được cha mẹ nuôi ăn học đến lớp 5/12 thì nghỉ học, ở nhà phụ giúp gia đình.

Ngày 07/11/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tại bản án số: 344/2008/HSST. Ngày

02/02/2009, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống. Bị cáo đã được xoá án tích.

Ngày 17/09/2009, bị Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07716, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bằng hình thức phạt tiền. Ngày 17/9/2009 đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 14/10/2009, bị Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định số 2860 về việc đưa đối tượng vào Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội tỉnh Đắk Lắk, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 24 tháng. Ngày 19/5/2011 chấp hành xong Quyết định xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 06/6/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tại bản án số: 59/2012/HSST. Ngày 14/6/2013, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống. Bị cáo chưa được xoá án tích.

Ngày 20/5/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, tại bản án số: 118/2014/HSST. Ngày 26/12/2017, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống. Bị cáo chưa được xoá án tích.

Ngày 14/12/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định số: 169/2018/QĐ-TA, áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 24 tháng, tại Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2019 đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1981, Vắng mặt

Trú tại: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1962, Có mặt.

Trú tại: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Thúy D, sinh năm 1978, Vắng mặt.

Trú tại: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Hứa Bảo Quốc L, sinh năm 1981, Vắng mặt.

Trú tại: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Bà Nguyễn Thị Bé X, sinh năm 1972, Có mặt.

Trú tại: Hẻm Y nối dài, tổ dân phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn T, Vũ Đình C đều là các đối tượng nghiện chất ma túy, đã có tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Khoảng 11 giờ ngày 25/10/2018, Bùi Văn T điều khiển xe mô tô biển số: 47B1-441.86, nhãn hiệu Talent, kiểu dáng Wave, màu sơn đỏ - đen, đi đến khu vực đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, để tìm mua ma túy sử dụng thì gặp Vũ Đình C. Tại đây T và C rủ nhau đi tìm người dân nào sơ hở trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. C điều khiển xe mô tô biển số: 47B1-441.86, chở T ngồi sau, đi quanh các tuyến đường thuộc địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk tìm tài sản để trộm cắp. Đến khoảng 12 giờ 15 phút cùng ngày, T và C đi đến công trình nhà ở đang xây dựng của bà Nguyễn Thị Lan A, tại địa chỉ đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Thấy xung quanh không có người trông coi, C dừng xe mô tô đi vào bên trong căn nhà còn T đứng ngoài cảnh giới. Khi vào trong, C thấy 01 chiếc máy khoan bê tông cầm tay nhãn hiệu BOSCH, màu xanh - đen, loại máy GBH 2 - 26 DRE, đã qua sử dụng để ở trong nhà không có người quản lý nên C trộm cắp chiếc máy khoan rồi đi ra ngoài xe mô tô T đang đứng đợi, lên xe chạy tẩu thoát. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số: 47B1-441.86, chở C đi đến số nhà địa chỉ: đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk bán chiếc máy khoan bê tông cầm tay vừa trộm cắp cho bà Nguyễn Huỳnh Thuý D, được số tiền 450.000 đồng. Sau khi mua chiếc máy khoan của bị cáo T và C thì bà D đưa cho anh Hứa Bảo Quốc L (là chồng của bà D), để đi làm công trình xây dựng thì bị mất, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Số tiền 450.000 đồng có được từ việc bán chiếc máy khoan do trộm cắp mà có, T và C tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết. Sau khi bị trộm cắp tài sản, bà Nguyễn Thị Lan A đã trình báo sự việc đến Cơ quan Công an phường T, thành phố B. Sau đó được chuyển giao đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk để giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 28/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tạm giữ của Bùi Văn T các tài sản gồm: 01 xe mô tô biển số: 47B1-441.86, nhãn hiệu Talent, kiểu dáng Wave, màu sơn đỏ - đen và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số: 47B1-441.86, để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 65/KLĐG ngày 14/3/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong Tô tụng hình sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk kết luận: 01 máy khoan bê tông cầm tay nhãn hiệu BOSCH, màu xanh đen, loại GBH 2-26DRE, 3 chức năng, 800W-3.9A, trị giá: 1.200.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Chiếc máy khoan bê tông cầm tay nhãn hiệu BOSCH, màu xanh đen, loại GBH 2-26DRE, 3 chức năng, 800W-3.9A, là tài sản của bà Nguyễn Thị Lan A. Hiện bà Nguyễn Thị Lan A không yêu cầu các bị cáo T và C phải bồi thường số tiền 1.200.000 đồng (là trị giá chiếc máy khoan bị trộm cắp).

Đối với chiếc xe mô tô biển số: 47B1-441.86, nhãn hiệu Talent, kiểu dáng Wave, màu sơn đỏ - đen, là phương tiện các bị cáo Bùi Văn T, Vũ Đình C sử dụng đi trộm cắp. Quá trình điều tra xác định: Xe mô tô biển số: 47B1-441.86, là tài sản của bà Trần Thị H (mẹ của bị cáo T). Năm 2017, bà H mua xe mô tô trên của bà Nguyễn Thị Bé X, với số tiền 2.500.000 đồng, để làm phương tiện đi lại nhưng bà H chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ theo quy định của pháp luật. Việc T dùng xe mô tô biển số: 47B1-441.86, đi trộm cắp tài sản thì bà H không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Ngày 03/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, ra Quyết định xử lý vật chứng, giao trả 01 chiếc xe mô tô Wave, nhãn hiệu Talent, màu đỏ - đen, biển số: 47B1-441.86, số máy VTTJL1P52FMHX012240 số khung RRKWCH1UM5X012240 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 047863 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31/10/2012 cho bà Trần Thị H nhận quản lý, sử dụng.

Cáo trạng số 265/CT-VKSND BMT ngày 09/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Bùi Văn T và Vũ Đình C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo Bùi Văn T và Vũ Đình C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng, phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T và Vũ Đình C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; Điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; Điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Đình C từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng, giao trả 01 chiếc xe mô tô Wave, nhãn hiệu Talent, màu đỏ - đen, biển số: 47B1-441.86, số máy VTTJL1P52FMHX012240 số khung RRKWCH1UM5X012240; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 047863 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31/10/2012 cho bà Trần Thị H là chủ sở hữu hợp pháp.

Chấp nhận việc bà Nguyễn Thị Lan A không yêu cầu bị cáo Bùi Văn T và Vũ Đình C phải bồi thường số tiền 1.200.000 đồng là giá trị chiếc máy khoan các bị cáo trộm cắp.

Chấp nhận việc bà Huỳnh Thị Thúy D không yêu cầu bị cáo Bùi Văn T và Vũ Đình C bồi thường số tiền 450.000 đồng.

Đối với số tiền 450.000 đồng, các bị cáo Bùi Văn T và Vũ Đình C có được từ việc bán chiếc máy khoan bê tông cầm tay nhãn hiệu BOSCH, màu xanh đen cho bà Nguyễn Huỳnh Thúy D. bà D không yêu cầu các bị cáo T và C phải bồi thường. Do vậy, cần truy thu số tiền 450.000 đồng của các bị cáo T và C để sung Ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 25/10/2018, tại địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo Bùi Văn T, Vũ Đình C đều đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích đã lén lút trộm cắp 01 chiếc máy khoan bê tông cầm tay nhãn hiệu BOSCH, màu xanh đen, loại GBH 2-26DRE, 3 chức năng, 800W-3.9A, của bà Nguyễn Thị Lan A thì bị phát hiện xử lý. Xác định trị giá tài sản các bị cáo trộm cắp là 1.200.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong

các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.

Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tài sản của người khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm đều bị pháp luật nghiêm trị. Tuy nhiên, do ý thức coi thường pháp luật, lười biếng lao động, muốn có tiền bằng con đường bất chính, các bị cáo cố tình thực hiện hành vi phạm tội, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

[3] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Bùi Văn T và Vũ Đình C về tội “*Trộm cắp tài sản*”, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo Vũ Đình C đã có 01 tiền án về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích nên bị cáo Vũ Đình C phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Bùi Văn T là người dân tộc thiểu số, nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Trong vụ án này vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo là ngang nhau. Đối với bị cáo Vũ Đình C đã có 01 tiền án về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích nên bị cáo Vũ Đình C phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Do đó mức án của bị cáo Vũ Đình C cao hơn mức án của bị cáo Bùi Văn T là phù hợp.

[5] Đối với người nam thanh niên bán ma túy cho các bị cáo Bùi Văn T, Vũ Đình C sử dụng. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, chưa xác minh được nhân thân lai lịch, nên tách ra khỏi vụ án, để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Bùi Văn T và Vũ Đình C, ngày 29/10/2018 Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định số: 144/2018/QĐ-TA đối với Bùi Văn T và ngày 14/12/2018 ra Quyết định số: 169/2018/QĐ-TA đối với Vũ Đình C, về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 24 tháng tại Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý đối với hành vi nêu trên của các bị cáo Bùi Văn T và Vũ Đình C, là phù hợp.

Đối với bà Nguyễn Huỳnh Thuý D, là người đã mua chiếc máy khoan bê tông cầm tay nhãn hiệu BOSCH, màu xanh đen, của các bị cáo Bùi Văn T và Vũ Đình C. Nhưng bà D không biết chiếc máy khoan là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng, giao trả 01 chiếc xe mô tô Wave, nhãn hiệu Talent, màu đỏ - đen, biển số: 47B1-441.86, số máy VTTJL1P52FMHX012240 số khung RRKWCH1UM5X012240 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 047863 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31/10/2012 cho bà Trần Thị H là chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

Đối với số tiền 450.000 đồng, các bị cáo Bùi Văn T và Vũ Đình C có được từ việc bán chiếc máy khoan bê tông cầm tay nhãn hiệu BOSCH, màu xanh đen cho bà Nguyễn Huỳnh Thuý D. Đây là tiền do mua bán tài sản phạm tội mà có, nên cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 450.000 đồng là tiền các bị cáo Bùi Văn T và Vũ Đình C bán tài sản do trộm cắp mà có. Chia phần cụ thể bị cáo Bùi Văn T phải nộp 225.000 đồng, bị cáo Vũ Đình C phải nộp 225.000 đồng là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Bà Nguyễn Thị Lan A không yêu cầu bị cáo Bùi Văn T và Vũ Đình C phải bồi thường số tiền 1.200.000 đồng là giá trị chiếc máy khoan các bị cáo trộm cắp là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bà Huỳnh Thị Thúy D không yêu cầu bị cáo Bùi Văn T và Vũ Đình C phải bồi thường số tiền 450.000 đồng là tiền bà D mua chiếc máy khoan của các bị cáo là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T **01 (Một)** năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam, ngày 12/4/2019.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Vũ Đình C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Vũ Đình C **01 (Một)** năm **06 (Sáu)** tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam, ngày 05/7/2019.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại cho bà Trần Thị H là chủ sở hữu hợp pháp: 01 chiếc xe mô tô Wave, nhãn hiệu Talent, màu đỏ - đen, biển số: 47B1-441.86, số máy VTTJL1P52FMHX012240 số khung RRKWCH1UM5X012240; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 047863 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31/10/2012.

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 450.000 đồng là tiền các bị cáo Bùi Văn T và Vũ Đình C bán tài sản do trộm cắp mà có. Chia phần cụ thể bị cáo Bùi Văn T phải nộp 225.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), bị cáo Vũ Đình C phải nộp 225.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Chấp nhận việc bà Nguyễn Thị Lan A không yêu cầu bị cáo Bùi Văn T và Vũ Đình C phải bồi thường số tiền 1.200.000 đồng là giá trị chiếc máy khoan các

bị cáo trộm cắp; bà Huỳnh Thị Thúy D không yêu cầu bị cáo Bùi Văn T và Vũ Đình C bồi thường số tiền 450.000 đồng là tiền bà D mua chiếc máy khoan của các bị cáo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Đình C phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TAND TC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Kiều My